

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2018/DS-PT

Ngày 13-8-2018

*Về vụ án tranh chấp quyền sử dụng
đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4810/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn:

1. Ông Vũ Văn A (tên gọi khác: Vũ Thanh A), sinh năm 1954; có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng P; sinh năm 1959;

Đều trú tại: xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bà Phúc ủy quyền cho ông Vũ Văn A tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm (Giấy ủy quyền ngày 30/7/2018). Ông A có mặt;

Bị đơn:

1. Ông Vũ Văn L, sinh năm 1966; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
Đều trú tại: Đội 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà NLQ1, sinh năm 1978; trú tại: Đội 5 xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Ông NLQ2, sinh năm 1975; trú tại: Đội 5 xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NLQ, NLQ2 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

+ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Kh - Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hải B - Phó Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2018). Ông B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2016; đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2016 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Vũ Văn A và bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Năm 1982, ông đổi một cái dài để lấy một mảnh ruộng hình elip có diện tích khoảng 525m² của ông Quàng Văn Ph và bà Lò Thị AA. Vị trí của mảnh ruộng tại đội 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất nhà ông D, phía Tây giáp đất nhà ông H (bố của ông Triệu-Vệ); phía Nam giáp đường vào nhà bà H1, phía Bắc giáp suối Huổi Lẻ. Do điều kiện phải đi công tác xa nhà nên ông đã giao toàn bộ mảnh đất ruộng đổi với ông Ph cho bố mẹ ông là cụ Vũ Ngọc C và cụ Nguyễn Thị X trông nom, cấy lúa. Năm 1988, xã triển khai làm đường liên thôn, liên xã nên đã chia đôi mảnh đất để làm đường đi cho đến nay. Khoảng năm 1994, do thường xuyên bị mưa lũ nên mảnh ruộng đổi của ông Ph không cấy lúa và do cụ C, cụ X đã già yếu nên giao lại diện tích đất trên cho ông Vũ Văn L là em trai của ông trông nom hộ.

Đến năm 2010, ông mới biết ông L đã tự ý sát nhập khoảng 200m² thuộc mảnh đất của ông vào mảnh đất của ông L để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 30/12/1995 UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B109728 cho ông L trong đó có 200m² đất thuộc diện tích đất ông đổi với ông Ph. Ông đã nhiều lần có ý kiến với cụ C, cụ X và ông L về việc ông L tự ý sát nhập 200m² đất của ông vào diện tích đất của ông L khi đi đăng ký quyền sử dụng đất; ông L cũng đã hứa hẹn nhiều lần sẽ trả 200m² đất cho ông nhưng đến

nay không trả.

Đến đầu năm 2016, ông L đã chuyển nhượng diện tích đất của ông và đất của ông L cho vợ chồng bà NLQ1, ông NLQ2 nên vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu ông L phải trả lại 200m² đất, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B109728 do UBND huyện Đ cấp cho ông Vũ Văn L ngày 30/12/1995. Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ ông yêu cầu ông L phải trả 287,3m² như kết quả thẩm định thực tế.

Bị đơn là ông Vũ Văn L trình bày:

Ông thừa nhận năm 1982 ông A đòi đòi lấy đất ruộng với ông Ph. Do ông A đi công tác nên ông A đã giao lại mảnh ruộng cho bố mẹ là cụ C, cụ X cấy lúa. Vì lúc đó ông L đã nghỉ học nên ông L là người cùng lao động, sản xuất với cụ C, cụ X trên các mảnh ruộng của gia đình trong đó có mảnh ruộng ông A đòi đòi mà có. Đến năm 1986, ông L đi bộ đội đến tháng 7 năm 1989, ông L ra quân và trở về địa phương sinh sống cùng bố mẹ. Lúc này, xã đã làm đường liên thôn và chia mảnh ruộng (do ông A đòi đòi) thành hai thửa đất bám mặt đường, vì đất trũng không thể cấy lúa nên gia đình đã trồng rau bon để chăn nuôi.

Đến năm 1994, ông L xây dựng gia đình được cụ C, cụ X cho đất ra ở riêng. Diện tích đất ông L được bố mẹ cho bao gồm: phần đất bố mẹ nhận chuyển nhượng của gia đình ông Triệu-Vệ và toàn bộ phần đất ruộng bám mặt đường liên thôn (tiếp giáp liền kề với đất nhận chuyển nhượng của ông Triệu). Việc cụ C, cụ X cho đất ông L chỉ nói miệng, không L văn bản, khi đó tất cả các anh, em trong gia đình đều biết. Vợ chồng ông L đã nhận đất, cải tạo, tôn nền và làm nhà, đào ao thả cá, trồng cây, kiến thiết các tài sản khác trên diện tích đất được bố mẹ cho; vợ chồng ông A biết nhưng không có ý kiến gì.

Khi chính quyền xã N triển khai đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L đã kê khai và đăng ký quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất thổ cư đang sử dụng được xác định là 740m² thuộc thửa số 1618 Tờ bản đồ 2.đ và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B109728 ngày 30/12/1995.

Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến năm 2016, ông L vẫn sử dụng diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước; không có ai tranh chấp, không nhận được khiếu nại, thắc mắc gì. Ông L cho rằng khi bố mẹ cho đất có nói vì vợ chồng ông A đã được cấp đất tại đội 24, xã N nên bố mẹ đã lấy thóc, gạo đổi lấy mảnh ruộng của ông A (là mảnh ruộng ông A đòi đòi cho ông Ph) để ông A làm nhà. Tuy nhiên, ông L không biết việc đổi thóc, gạo giữa ông A và cụ C, cụ X được thực hiện vào

thời gian nào; số lượng thóc, gạo đổi là bao nhiêu bởi lẽ việc đổi thóc, gạo chỉ do bố mẹ và ông A thỏa thuận và thực hiện cũng không có giấy tờ. Sự việc này anh, em trong gia đình đều biết.

Từ năm 1994 đến năm 2016, ông A chưa bao giờ đòi đất của ông kể cả trong các cuộc họp gia đình. Chỉ khi ông A biết ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng NLQ, NLQ2 thì ông A có đề nghị ông chia đôi số tiền bán đất, trả cho ông A 75.000.000đ, nhưng ông không nhất trí. Ông không đồng ý trả đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông A và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Tháng 3 năm 1994, bà H và ông L xây dựng gia đình. Đến tháng 12 năm 1994 thì được cụ C, cụ X cho đất để vợ chồng ra ở riêng. Năm 1995, vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 1994 đến năm 2016, gia đình bà sử dụng đất công khai, ổn định và cũng không thấy ông A hay các thành viên trong gia đình nói gì. Đến khi ông A khởi kiện đòi đất thì bà rất bất ngờ vì không biết là đất nào và cũng không thấy ông A nhắc đến bao giờ. Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà NLQ1 và ông NLQ2 trình bày: Tháng 2/2016 ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn L một mảnh đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B109728 cấp ngày 30/12/1995 mang tên ông L với giá 150.000.000đ. Hai bên đã giao đất, nhận tiền và đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật. Ông, bà đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì thấy ông A khởi kiện ông L đòi một phần diện tích đất mà vợ chồng bà đã nhận chuyển nhượng của ông L. Ông, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, bà.

Ủy ban nhân dân huyện Đ do ông Bùi Hải B- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ làm đại diện trình bày: Trước năm 1983, đất đai thuộc sở hữu nhà nước. Sau khi Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành, UBND huyện Đ đã triển khai đến chính quyền các xã về việc thông báo cho các cá nhân, các hộ gia đình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Từ năm 1994-1995, ông L là người đăng ký, kê khai quyền sử dụng đối với diện tích 740m² đất của thửa số 1618 Tờ bản đồ 2.đ thuộc đội 5, xã N, huyện Đ. Quá trình ông L kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất, UBND huyện không nhận được bất kỳ khiếu nại, thắc mắc đối với thửa đất số 1618 nêu trên. Qua thẩm định hồ sơ thấy ông L là người sử dụng đất ổn định, thuộc đối tượng được cấp đất; diện tích đất kê khai không có tranh chấp với ai, thủ tục và trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đúng quy định của pháp luật nên ngày 30/12/1995, UBND huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn L. Từ năm 1995 đến năm 2016, ông L sử dụng đất ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với nhà nước, không xảy ra tranh chấp. Vì vậy, việc ông A, bà Phúc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B109728 ngày 30/12/1995 do UBND huyện Đ cấp cho ông L là không có căn cứ chấp nhận.

Người làm chứng là ông Quàng Văn Ph và bà Lò Thị AA trình bày: Năm 1982, ông Ph có đổi cho ông A một mảnh đất ruộng do gia đình ông Ph khai hoang có diện tích khoảng 500m² ở gần suối Huổi Lé thuộc Bản Mớ, xã N, huyện Đ để lấy 01 cái đài NATIONAL. Khi ông Ph đổi đất cho ông A, các thành viên trong gia đình ông Ph đều biết và nhất trí, không xảy ra tranh chấp. Nay ông A kiện ông L để đòi lại đất, ông, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DSST ngày 18/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn A (tên gọi khác: Vũ Thanh A) và bà Nguyễn Thị Hồng P đối với ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà Phúc về việc buộc ông L, bà H phải trả cho ông A, bà Phúc 287,3m² đất thuộc thửa đất số 1618, Tờ bản đồ số 2.đ tại đội 5, xã N, huyện Đ.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà Phúc về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B109728 ngày 30/12/1995 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Vũ Văn L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2017, nguyên đơn là ông Vũ Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do ông không chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất của ông cho ông L là chưa thỏa đáng, không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Văn A cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông đổi đài lấy đất ruộng của ông Ph, ông sử dụng từ năm 1982 đến năm 1988 thì giao cho bố mẹ sử dụng. Ông L tự ý kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi không có văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông là không đúng để đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Vũ Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm và các tài liệu đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án đã kết luận: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Ph khai hoang, ông Ph chưa làm thủ tục đăng ký kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đã đổi cho ông A; ông A chưa làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đã giao cho bố, mẹ sử dụng. Diện tích đất tranh chấp là đất nông nghiệp, bố mẹ ông A đã sử dụng trong suốt thời gian dài và giao cho ông L sử dụng cho đến năm 2016 ông A mới khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông A; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Vũ Văn A được gửi trong thời hạn, ông A nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn quy định, nhưng nộp chậm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên quá thời hạn 10 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét kháng cáo quá hạn Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận lý do nộp chậm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của ông A nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ2, bà NLQ1 và Ủy ban nhân dân huyện Đ đều vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và ông Vũ Văn A đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên. Xét thấy bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo, các đương sự này đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Diện tích 287,3m² đất thuộc một phần thửa số 1618 Tờ bản đồ số 2đ tại xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên có nguồn gốc do ông Vũ Văn A (là anh của ông Vũ Văn L) đổi một chiếc đài National lấy một mảnh đất ruộng khai hoang của ông Quảng Văn Ph có diện tích khoảng 525m² ở cạnh suối Huổi Lé, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào năm 1982.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn A, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Năm 1982, ông A đã đổi một cái đài cho ông Ph để lấy một mảnh ruộng cạnh suối Huổi Lé. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bên đương sự, người làm chứng là ông Quảng Văn Ph và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi đổi đất, ông A không sử dụng đất mà đã giao cho bố mẹ cấy lúa để phục vụ mục đích chung của gia đình, ông L cũng tham gia canh tác cùng gia đình. Năm 1988, Ủy ban nhân dân xã N làm đường liên thôn đã chia đôi mảnh đất ruộng nêu trên làm hai phần. Năm 1994, ông L kết hôn, bố mẹ của hai ông (ông A và ông L) đã nhận chuyển nhượng một thửa đất của vợ chồng ông Triệu-Vệ giáp với diện tích đất đổi của ông Ph để cho vợ chồng ông L, bà H ra ở riêng và cho vợ chồng ông L phần đất ruộng đổi của ông Ph ở phía Tây liền kề với thửa đất trên. Quá trình sử dụng, vợ chồng ông L, bà H đã làm nhà, đổ đất, tôn nền, đào ao thả cá, trồng cây và kiến thiết các tài sản khác trên toàn bộ diện tích đất được cho; vợ chồng ông A và các anh, chị em trong gia đình đều biết nhưng không có ý kiến (BL 265). Năm 1995, Nhà nước có chủ trương đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, ông L đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 1618 diện tích 740m² đất bao gồm có 400m² đất thổ cư và 340m² đất vườn (BL20A), trong đó có 287,3m² đất nêu trên.

[2.3] Như vậy, kể từ năm 1982 là thời điểm ông A đổi đài lấy đất ruộng khai hoang của ông Ph cho đến năm 1995 là thời điểm ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông A là giáo viên không trực tiếp sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với diện tích đất đổi và cũng không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong khi đó, diện tích đất đổi là đất ruộng khai hoang, cụ C và cụ X (là bố mẹ của ông A, ông L) là người trực tiếp sử dụng đất liên tục, ổn định, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước cho đến năm 1994 thì giao cho ông L sử dụng một phần diện tích đất đổi từ ông Ph. Tại biên bản họp đối thoại ngày 19/7/2017 và phiên tòa sơ thẩm, ông A cũng thừa nhận gia đình ông sinh sống tại xã N, nhưng chưa bao giờ thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ruộng đổi của ông Ph (BL216,265). Mặt khác, theo quy định tại

Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính Phủ “về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước” thì toàn bộ ruộng đất đều do Nhà nước thống nhất quản lý, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải đăng ký kê khai diện tích đang sử dụng và người đang quản lý, sử dụng đất thì được tiếp tục sử dụng. Do đó, có cơ sở xác định sau khi đổi đất của ông Ph, ông A đã giao cho bố, mẹ là cụ C và cụ X toàn quyền sử dụng và quyết định đối với diện tích đất ruộng đổi của ông Ph.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Xuân Đ, bà Vũ Thị B và ông Vũ Văn V (là các em của ông A, ông L) đều xác nhận năm 1986 bố, mẹ đã trả thóc, gạo cho vợ chồng ông A để lấy phần đất ruộng ông A đổi của ông Ph và bố mẹ đã cho ông L diện tích đất mà ông A đang tranh chấp để cho rằng ông A kiện đòi ông L trả đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L là không có căn cứ (BL 133,210, 211,212). Ngoài ra, căn cứ biên bản xác minh ngày 16/5/2017 với ông Nguyễn Thành C1 - cán bộ địa chính xã N, sổ đăng ký ruộng đất năm 1994, sổ mục kê, Bản đồ giải thửa xã N năm 1994 đều thể hiện ông L là người sử dụng thửa 1618 Tờ bản đồ số 2 đ. Xét thấy ông L là người trực tiếp sử dụng diện tích đất này từ năm 1994 đến nay, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1995), ông A và gia đình ông A đang sống tại xã N, nhưng không khiếu nại hay tranh chấp về việc ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến năm 2016 khi ông L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng NLQ, NLQ2 thì mới phát sinh tranh chấp. Thực tế gia đình ông L quản lý, sử dụng diện tích đất ruộng, sau đó đã cải tạo, san lấp thành vườn sử dụng ổn định, liên tục hơn 20 năm, ông A biết và không có tranh chấp; quá trình sử dụng ông L đã đứng tên chủ sử dụng đất trong hồ sơ địa chính của xã, đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã thể hiện ý chí của ông A và các thành viên trong gia đình là đã cho vợ chồng ông L được quyền sử dụng diện tích đất trên. Ngày 27/5/2016, ông A cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 313m² đất là phần diện tích đất còn lại trong tổng số hơn 500m² đất ruộng khai hoang đổi của ông Ph. Do đó, kháng cáo của ông A yêu cầu ông L trả lại 287,3m² đất là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu của ông A đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B109728 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp cho ông Vũ Văn L với lý do ông L đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có 287,3m² đất của ông A, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Như đã phân tích ở phần trên, diện tích đất tranh chấp là đất ruộng khai hoang

nằm trong tổng diện tích 740m² đất ông L được bố mẹ cho sử dụng từ năm 1994. Ông L là người trực tiếp sử dụng và đứng tên chủ sử dụng đất trên Bản đồ địa chính, sổ đăng ký ruộng đất, sổ mục kê của xã N. Khi Nhà nước có chủ trương đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xác định diện tích đất ông L kê khai, đăng ký không có tranh chấp và không nhận được khiếu nại đối với diện tích đất ông L kê khai (BL265); đồng thời cũng khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L là đúng trình tự, đúng đối tượng và thủ tục theo quy định của pháp luật để không chấp nhận yêu cầu của ông A đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30/12/1995 mang tên ông L.

Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1618 giữa vợ chồng ông L, bà H với vợ chồng NLQ2, NLQ thấy: Hai bên đã xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/6/2016, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N. Tuy nhiên, các bên không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không có yêu cầu giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà Phúc về việc yêu cầu ông L, bà H phải trả cho ông A, bà Phúc 287,3m² đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 109728 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp cho ông Vũ Văn L là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông A và bà Phúc, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, ông A và bà Phúc là đồng nguyên đơn có chung yêu cầu khởi kiện, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông A và bà Phúc phải chịu án phí sơ thẩm theo yêu cầu riêng của mỗi người và buộc phải chịu đồng thời án phí dân sự sơ thẩm và án phí hành chính sơ thẩm là không chính xác. Do đó, cần sửa lại phần án phí cho đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông Vũ Văn A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vũ Văn A; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên về phần án phí; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm, cụ thể:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Vũ Văn A (tên gọi khác là Vũ Thanh A) đối với ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông A, bà Phúc về việc buộc ông L, bà H phải trả cho ông A, bà Phúc 287,3m² đất thuộc thửa đất số 1618, tờ bản đồ 2.đ tại Đội 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông A, bà Phúc về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B109728, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 28 ngày 30/12/1995 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Vũ Văn L.

[2] Về án phí: Ông Vũ Văn A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông A 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2010/08124 ngày 30/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Ông Vũ Văn A, bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2010/03921 ngày 02/8/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Ông A, bà Phúc không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho ông A 200.000đ tạm ứng án phí hành chính theo Biên lai số AA/2016/0002447 ngày 29/12/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phương Hạnh

